

Bản án số: 365/2025/DS-ST

Ngày: 26-8-2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Tiến Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mai

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà..... - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm bà khai vụ án dân sự thụ lý số 212/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXX-DS ngày 04 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 992/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TNHH Một thành viên S (gọi tắt là “Ngân hàng S”);

Địa chỉ trụ sở: Tầng C, T và tháp 2, Phòng CP2.L01, Tòa nhà C, số B L, phường N, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hồ Nhật H (Theo Giấy ủy quyền số: 93/LC-SCBVL.25 do Ngân hàng TNHH Một thành viên S (Việt Nam) lập ngày 08/04/2025);

Địa chỉ liên lạc: Lầu C, Số A N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Hoàng P, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số B Đường số H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Phạm Hồ Nhật H trình bày:

Ngày 04/09/2020 bà Phạm Thị Hoàng P có ký Đơn xác lập quan hệ khách hàng với Ngân hàng S. Căn cứ vào Đơn xác lập quan hệ khách hàng trên và bản Các Điều khoản và Điều kiện khoản vay tiêu dùng cá nhân, Ngân hàng S đã cấp tín dụng cho bà P khoản vay số 1578774, số tiền vay là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân với thời hạn vay là 60 tháng (đến ngày 05/10/2025), lãi suất trong hạn tại thời điểm vay là 13.5%/năm.

Sau khi được Ngân hàng S giải ngân, từ ngày 28/09/2020 đến nay, bà P đã thanh toán toán cho Ngân hàng S số tiền 457.262.524 đồng (Bốn trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm hai mươi bốn đồng), trong đó: Thanh toán nợ gốc là 264.074.165 đồng, nợ lãi trong hạn là 193.042.545 đồng và nợ lãi quá hạn là 145.814 đồng.

Trong quá trình cấp tín dụng, Ngân hàng S đã nhiều lần liên hệ làm việc và yêu cầu bà P thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng bà P vẫn không có thiện chí hợp tác. Ngân hàng S đã tạo điều kiện về thời gian cho bà P trả nợ nhưng vẫn không có phương án trả dứt nợ cho Ngân hàng. Dẫn đến vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Đơn xác lập quan hệ khách hàng ký ngày 04/09/2020. Do đó, ngày 06/02/2023 Ngân hàng S đã có Thông báo chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn để yêu cầu bà P thanh toán toàn bộ dư nợ còn thiếu của khoản vay nêu trên, đồng thời, chuyển toàn bộ dư nợ khoản vay sang nợ quá hạn, làm nợ gốc, lãi suất trong hạn được tính theo lãi suất trong hạn tại thời điểm ký kết Đơn xác lập quan hệ khách hàng là 13.5%/năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 05/02/2023, bà P còn nợ Ngân hàng S các khoản sau: 680.349.043 đồng, trong đó bao gồm: Dư nợ gốc: 635.925.835 đồng; Lãi trong hạn: 41.014.231 đồng; Lãi phạt và phí: 3.408.977 đồng, tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 05/02/2023 là 680.349.043 đồng (Sáu trăm tám mươi triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi ba đồng)

Ngoài ra, bà Phạm Thị Hoàng P còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi chậm trả phát sinh từ ngày 06/02/2023 cho đến khi hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn theo quy định đối với khoản vay trên tương đương 20.25%/năm tính trên tổng dư nợ gốc thực tế chưa thanh toán.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Phạm Thị Hoàng P và đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà. Tuy nhiên, bà P đều vắng mặt, khbà gửi văn bản trình bày ý kiến, khbà cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án khbà thể ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn ông Phạm Hồ Nhật H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Phạm Hồ Nhật H giữ nguyên yêu cầu đã trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Phạm Thị Hoàng P có ký kết Đơn xác lập quan hệ khách hàng với Ngân hàng TNHH Một thành viên S (Việt Nam), do đó, đây là vụ án tranh chấp về dân sự, cụ thể là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ các kết quả xác minh của Công an phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Công an phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) và Công an P1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) xác định bị đơn bà Phạm Thị Hoàng P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số B Đường số H, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) nên Tòa án nhân dân Khu vực 7 thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn bà Phạm Thị Hoàng P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Hoàng P theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Phạm Thị Hoàng P khbà nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Đại diện nguyên đơn Ngân hàng S – ông Phạm Hồ Nhật H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 05/02/2023 là: 680.349.043 đồng (Sáu trăm tám mươi triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi ba đồng), bao gồm: 635.925.835 đồng dư nợ gốc; 41.014.231 đồng lãi trong hạn và 3.408.977 đồng

lãi phạt và phí phát sinh từ Đơn xác lập quan hệ khách hàng ký ngày 04/09/2020, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 04/09/2020 bà Phạm Thị Hoàng P có ký Đơn xác lập quan hệ khách hàng với Ngân hàng S. Căn cứ vào Đơn xác lập quan hệ khách hàng trên và bản Các Điều khoản và Điều kiện khoản vay tiêu dùng cá nhân, Ngân hàng S đã cấp tín dụng cho bà P khoản vay số 1578774, số tiền vay là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân với thời hạn vay là 60 tháng (đến ngày 05/10/2025), lãi suất trong hạn tại thời điểm vay là 13.5%/năm.

Sau khi được Ngân hàng S giải ngân, từ ngày 28/09/2020 đến nay, bà P đã thanh toán cho Ngân hàng S số tiền 457.262.524 đồng (Bốn trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm hai mươi bốn đồng), trong đó: Thanh toán nợ gốc là 264.074.165 đồng, nợ lãi trong hạn là 193.042.545 đồng và nợ lãi quá hạn là 145.814 đồng. Do đó, đến ngày 06/02/2023 bà P còn dư nợ là 635.925.835 đồng, Ngân hàng S đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn, làm nợ gốc, lãi suất trong hạn được tính theo lãi suất trong hạn tại thời điểm ký kết Đơn xác lập quan hệ khách hàng ngày 04/09/2020 là 13.5%/năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật”. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Phạm Thị Hoàng P không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, còn nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 05/02/2023 là 680.349.043 đồng (Sáu trăm tám mươi triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi ba đồng), bao gồm: 635.925.835 đồng dư nợ gốc; 41.014.231 đồng lãi trong hạn và 3.408.977 đồng lãi phạt và phí. Nguyên đơn đã áp dụng mức lãi suất và thời gian tính lãi đúng quy định của hợp đồng và phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên việc yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán nợ vốn và lãi có cơ sở chấp nhận.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 680.349.043 đồng (Sáu trăm tám mươi triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi ba đồng), bao gồm: 635.925.835 đồng dư nợ gốc; 41.014.231 đồng lãi trong hạn và 3.408.977 đồng lãi phạt và phí phát sinh từ Đơn xác lập quan hệ khách hàng ký ngày 04/09/2020. Kể từ ngày 06/02/2023, bà Phạm Thị Hoàng P còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn theo quy định đối với khoản vay trên tương đương 20.25%/năm tính trên tổng dư nợ gốc thực tế chưa thanh toán cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phạm Thị Hoàng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là

31,213,962 đồng (Ba mươi một triệu hai trăm mười ba nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí là 15.606.981 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn chín trăm tám mươi một đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026303 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ những phân tích và nhận định trên cũng như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TNHH Một thành viên S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TNHH Một thành viên S: Buộc bà Phạm Thị Hoàng P phải trả cho Ngân hàng S tổng số tiền 680.349.043 đồng (Sáu trăm tám mươi triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi ba đồng), bao gồm: 635.925.835 đồng dư nợ gốc; 41.014.231 đồng lãi trong hạn và 3.408.977 đồng lãi phạt và phí phát sinh từ Đơn xác lập quan hệ khách hàng ký ngày 04/09/2020, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 06/02/2023, bà Phạm Thị Hoàng P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 31,213,962 đồng (Ba mươi một triệu hai trăm mười ba nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng) bà Phạm Thị Hoàng P phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TNHH Một thành viên S tiền tạm ứng án phí là 15.606.981 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn chín trăm tám mươi một đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026303 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Toà hoặc khbà có mặt khi Tòa tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 7, TP.HCM;
- THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Tiến Thịnh